

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Bản án số: 20/2022/HNGĐ-ST

Ngày 30-06-2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con  
chung khi ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ - TỈNH QUẢNG NGÃI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Duân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Phạm Hòa

- Bà Nguyễn Duy Thị Anh Phương

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

***Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Văn Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 06 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2022/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2022 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2022/QĐXX-ST, ngày 03 tháng 06 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24/06/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị K – sinh năm 1984. Có mặt

Địa chỉ: Thôn Tấn L, xã Phổ Ch, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Bị đơn: Anh Nguyễn Tấn Th – sinh năm 1977. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn Tấn L, xã Phổ Ch, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện ngày 22/12/2021 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Trần Thị K trình bày: Chị với anh Nguyễn Tấn Th kết hôn với nhau

vào năm 2003 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phổ Ch, huyện Đức Phổ (nay là thị xã Đức Phổ) vào ngày 21/01/2003. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do anh Th không lo cho cuộc sống gia đình, tính tình gia trưởng, áp đặt, có hành vi bạo lực gia đình nên vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Nay chị xét thấy tình cảm giữa chị và anh Th không còn, mục đích hôn nhân không Đ được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Tấn Th.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung tên Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 10/11/2003, Nguyễn Thị Thúy K1, sinh ngày 03/9/2007, Nguyễn Thị Hoài Th1, sinh ngày 31/01/2013, Nguyễn Thị Thanh T1, sinh ngày 26/06/2018, hiện nay cháu Đ đã trưởng thành, có nghề nghiệp ổn định, cháu K1 đang làm ăn sinh sống tại thành phố Hồ Chí Minh, còn cháu Th1 và cháu T1 hiện đang ở với chị. Khi ly hôn cháu Đ và cháu K1 có nguyện vọng ở với ai tùy theo các cháu, còn cháu Th1 và cháu T1 chị xin được nuôi dưỡng, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa Th, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

*\* Bị đơn anh Nguyễn Tấn Th nhận thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, nhưng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án và cũng không đến Tòa để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

\* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ phát biểu quan điểm:

I. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1. Việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Đối nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Đối với bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

## II. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Trần Thị K được ly hôn anh Nguyễn Tấn Th.

- Về con chung: Giao 03 con chung tên Nguyễn Thị Thúy K1, sinh ngày 03/9/2007, Nguyễn Thị Hoài Th1, sinh ngày 31/01/2013, Nguyễn Thị Thanh T1, sinh ngày 26/06/2018 cho chị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Tấn Th không có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa Th, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

- Về nợ chung: Không có, nên không xét.

- Về án phí: Chị Trần Thị K phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Tấn Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do hoặc không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị K và anh Nguyễn Tấn Th kết hôn năm 2003 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phổ Ch, huyện Đức Phổ (nay là thị xã Đức Phổ) vào ngày 21/01/2003, do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị K và anh Th là hoàn toàn hợp pháp được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống do vợ, chồng bất đồng quan điểm sống, anh Th không lo cho cuộc sống gia đình, tính tình gia trưởng, áp đặt, có hành vi bạo lực gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa chị K và anh Th đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo

dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị K xin ly hôn anh Th là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị K và anh Nguyễn Tấn Th có 04 con chung tên Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 10/11/2003, Nguyễn Thị Thúy K1, sinh ngày 03/9/2007, Nguyễn Thị Hoài Thu, sinh ngày 31/01/2013, Nguyễn Thị Thanh T1, sinh ngày 26/06/2018; hiện nay cháu Đ đã trưởng thành, có nghề nghiệp ổn định; còn cháu Nguyễn Thị Thúy K1 và Nguyễn Thị Hoài Th1 theo ý kiến của các cháu khi anh Th, chị K ly hôn các cháu có nguyện vọng ở với chị K, cháu Nguyễn Thị Thanh T1 hiện nay mới trên 04 tuổi. Do vậy, để đảm bảo nguyện vọng và sự phát triển về mọi mặt của các cháu Hội đồng xét xử giao các con Nguyễn Thị Thúy K1, sinh ngày 03/9/2007, Nguyễn Thị Hoài Th1, sinh ngày 31/01/2013, Nguyễn Thị Thanh T1, sinh ngày 26/06/2018 cho chị Trần Thị K tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng cho con: Chị Trần Thị K không yêu cầu anh Th cấp dưỡng cho con nên không xét.

[5] Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa Th, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[6] Về nợ chung: Không có, Hội đồng xét xử không xét.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[8] Về án phí: Chị Trần Thị K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự ly hôn sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28, 39, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 235, 266, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị K được ly hôn anh Nguyễn Tấn Th.
2. Về con chung: Giao các con Nguyễn Thị Thúy K1, sinh ngày 03/9/2007, Nguyễn Thị Hoài Th1, sinh ngày 31/01/2013, Nguyễn Thị Thanh T1, sinh ngày

26/06/2018 cho chị Trần Thị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Tấn Th không có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị Trần Thị K phải chịu án phí dân sự ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0001395, ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Th thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị K có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Nguyễn Tấn Th vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TX. Đức Phổ;
- Chi cục THADS TX. Đức Phổ;
- UBND xã Phổ Ch;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Duẩn**